

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ - ST

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

“ V/v ly hôn, con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá H

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Ch

Bà Dương Thị Thu H

Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ

Văn T - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/DSST - QĐXX ngày 26/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu P, sinh năm 1997

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1994

Đều có HKTT: Bình Hồ, Quảng Lăng, An Thi, Hưng Yên

Người có QLNVLQ: Cháu Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và cháu Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022

Người đại diện hợp pháp cho cháu L, cháu N: Chị P

Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 của chị P và các lời khai của chị P trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thu P và anh Nguyễn Trọng T lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh T mãi chơi cờ bạc, gái gú, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm gì với gia đình, nợ nần rất Nều người, bản thân tôi cũng đã trả nợ cho anh T Nều lần, cũng khuyên bảo Nều nhưng anh T không có thay đổi gì mà càng ngày lún sâu hơn vào chơi bời, các chủ nợ thường xuyên đến tìm tôi, gọi điện thúc ép, đe dọa tôi đã làm cho cuộc sống cũng như tinh thần của mẹ con rơi vào khủng hoảng. Để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, của mẹ con nên vợ chồng tôi đã chuyển về sinh

sống cùng bố mẹ đẻ tôi ở xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên từ năm 2020. Thời gian ở cùng bố mẹ tôi lúc đầu anh T cũng có thay đổi nhưng chỉ được thời gian ngắn rồi lại chứng nào tật đấy, bố mẹ tôi cũng khuyên bảo, động viên nhưng không có thay đổi gì, các tin nhắn của chủ nợ vẫn nhắn cho tôi, gọi cho tôi đe dọa tôi làm tâm lý của tôi khủng hoảng, mặc dù ở cùng nhau nhưng vợ chồng ít khi hỏi thăm nhau, anh T làm gì, thu nhập bao nhiêu tiền tôi cũng không biết, hỏi không nói, nhìn chung tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau, sinh hoạt vợ chồng cũng đã chấm dứt từ lâu, mặc dù đã có gia đình nhưng anh T vẫn thường xuyên đi chơi đến tận sáng mới về, về là ngủ, không đoái hoài gì đến con cái, gia đình. Nay bản thân tôi xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không thể níu kéo nên tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi được ly hôn anh T càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022, nguyện vọng chị P được nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của bà Hà (đại diện gia đình chị P) trình bày: Chị P và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên vào năm 2017, do anh T mãi chơi cờ bạc, gái nên đã bỏ bê gia đình, vợ con, không quan tâm lo lắng cho vợ con, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi nhau, để cứu vãn hạnh phúc và cho anh T có thêm cơ hội để sửa sai nên chị P đã Nều lần trả nợ thay Nều khoản vay, sau đó để tránh việc anh T tiếp tục chửi bới nên gia đình đã động viên vợ chồng chị P về gia đình sinh sống từ năm 2020 đến nay, thời gian đầu anh T có sự thay đổi nhưng chẳng được bao lâu thì chị P nhận được Nều tin nhắn, Nều cuộc gọi liên quan đến việc chơi cờ của anh T, gia đình hỏi nhưng anh T không nói, chị P có đơn ly hôn anh T, gia đình không mong muốn nhưng cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm nên nhất trí với quan điểm xin ly hôn của chị P. Vợ chồng chị P có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022, hai con chung đang ở gia đình và chị P. Vợ chồng chị P có hay không có tài sản chung, gia đình không biết.

Biên bản xác minh với chính quyền xã Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên thể hiện: Anh T và chị P có đăng ký kết hôn tại địa P vào năm 2017 nhưng không có hộ khẩu tại địa P, hiện nay anh T, chị P có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại thôn Bình Hồ, xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, Hưng Yên, trong cuộc sống vợ chồng chị P, anh T có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không thì địa P không nắm được. Vợ chồng chị P, anh T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022, vợ chồng chị P, anh T có hay không có tài sản chung địa P không biết.

Biên bản xác minh với chính quyền xã Quảng Lăng, Ân Thi, Hưng Yên thể hiện: Chị P, anh T không đăng ký kết hôn ở địa P mà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay anh T, chị P có hộ khẩu tại địa P, việc ly hôn của chị P, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị P, anh T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022, hai con chung hiện đang ở cùng gia đình và chị P. Vợ chồng chị P, anh T có hay không có tài sản chung địa P không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt. Do đó Tòa án không ghi được quan điểm của anh T,

Tại phiên tòa, chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 78 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cả hai con chung guyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022 cho chị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thu P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Nguyễn Trọng T. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Trọng T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Bình Hồ, xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị P, anh T: Chị P, anh T xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào năm 2017, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị P, anh T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị

P có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của chị P, anh T cũng như quan điểm trình bày của đại diện gia đình chị P, biên bản xác minh với chính quyền ủy ban nhân dân xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, biên bản xác minh với ủy ban nhân dân xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng chị P, anh T không hoà thuận, hạnh phúc, đã chứng tỏ vợ chồng tồn tại Nền mâu thuẫn, Nền bất đồng mà hai bên không thể tìm được giải pháp gì để tháo gỡ, để hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài, hai bên không còn tình cảm, không còn sự quan tâm hay trách Nệm gì với nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng và hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp với pháp luật.

Về con chung: Chị P, anh T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022. Nguyễn vọng của chị P mong muốn được nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, quan điểm của chị P là hoàn toàn chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách Nệm của người làm mẹ đối với các con chưa thành niên, tuy Nền việc giao con cũng cần phải xem xét đến điều kiện của chị P. Chị P có công việc và có thu nhập, mặt khác được sự quan tâm, hỗ trợ từ phía gia đình chị P. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý cũng như tránh sáo trộn cuộc sống, học tập của các con chung nên cần thiết phải giao cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thu P được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng Bảo L, sinh năm 2017 và Nguyễn Diệu N, sinh năm 2022 đến tuổi thành niên. Anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị P. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000791 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên;;
- THADS;
- ;- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Bá H